

Bản án số: **77/2020/HS-PT**  
Ngày 26 tháng 8 năm 2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ T**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Văn Thành

*Các thẩm phán:* Ông Hồ Văn Việt

Ông Phạm Văn Toàn

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú T.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú T xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 18/2020/TLPT- HS ngày 10 tháng 01 năm 2020 do có kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXPT-HS, ngày 24 tháng 02 năm 2020.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Ngọc H; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 12/08/1989 tại: huyện Thanh S, tỉnh Phú T; Nơi cư trú: Khu phố 19-5; thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Chức vụ đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Con ông Trần Tiến H - sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M (đã chết); Vợ: Chủ Thị Trung A - sinh năm 1995; Con: có 02 con sinh năm 2015 và sinh năm 2007; Anh, chị, em ruột: có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/9/2019, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 10/11/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 11/11/2019 đến ngày 30/11/2019. (Có mặt).

2. Họ và tên: Đinh Văn D; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 25/ 12/1979 tại huyện Yên L, tỉnh Phú T; Nơi cư trú: Khu 4, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Chức vụ đảng, đoàn thể: Không; Trình độ học vấn: lớp 08/12; Con ông Đinh Ngọc Q - sinh năm 1937 và bà Hà Thị Đ - sinh năm 1949; Vợ: Nguyễn Thị H - sinh năm 1984; Con: có 02 con sinh năm 2004

và sinh năm 2007; Anh, chị, em ruột: có 05 anh em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/9/2019, thay thế biện pháp ngăn chặn ngày 10/11/2019. Hiện đang bị áp dụng biện pháp bảo lãnh từ ngày 11/11/2019 đến ngày 30/11/2019.(Có mặt).

*Người bào chữa cho bị cáo Đinh Văn D:*

Ông Lã Thành C - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú T (Có mặt).

Những người tham gia tố tụng khác Tòa án không triệu tập.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền mà lại không phải lao động vất vả vào thời gian tháng 3/2017, Trần Ngọc H đã bàn bạc thống nhất với Đinh Văn D mở hiệu kinh doanh cầm đồ và dịch vụ bán lẻ, Đinh Văn D đứng ra làm giấy phép kinh doanh và là chủ cơ sở kinh doanh, địa điểm là nhà ở của D tại khu 4 xã Minh H, huyện Yên L, D và H bàn bạc với danh nghĩa hiệu cầm đồ để thực hiện hoạt động cho vay lãi nặng, H sử dụng số tiền 160.000.000đ; còn D là người trực tiếp cho vay và đi thu tiền lãi và tiền gốc. Hình thức vay: Khi có người có nhu cầu đến vay tiền, D đứng ra cho vay; người vay phải tự viết thông tin vào giấy biên nhận vay tiền do H đã soạn sẵn và ký vào phần người vay hoặc người có nhu cầu đến vay tiền viết thông tin vào giấy bán xe mô tô do H đã soạn sẵn (*nhưng thực tế là cho vay tiền thế chấp đăng ký xe mô tô và chứng minh thư nhân dân*), sau đó ký tên vào phần người bán xe, giá bán xe chính là số tiền người vay có nhu cầu vay tiền. Giấy vay tiền hay giấy biên nhận bán xe đều không thể hiện lãi xuất nhưng thực tế lãi xuất cho vay là 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, lãi xuất tương ứng 180%/ năm. Cứ 10 ngày, D đi thu tiền lãi của người vay 1 lần. Khi có người đến vay thì D thông báo cho H biết, hàng ngày D và H đối chiếu số tiền cho vay, tiền lãi thu được.

Với phương pháp như trên, trong thời điểm từ tháng 5/2017 đến tháng 8/2019, Trần Ngọc H và Đinh Văn D đã cho 45 người vay với tổng số tiền là 637.500.000đ (*trong đó người vay đã trả số tiền gốc là 478.500.000đ, còn số tiền gốc người vay chưa trả là 159.000.000đ*), đều với lãi xuất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, lãi xuất tương ứng 180%/ năm, cao gấp 9 lần lãi xuất mà pháp luật dân sự cho phép (*Theo quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự. Lãi suất*

#### *1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

*Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác... ), số tiền lãi thu được là 227.902.500đ; trừ đi số tiền lãi hợp pháp 20%/năm theo quy định của pháp luật dân sự là 25.322.480đ. Còn*

số tiền thu lời bất chính là 202.580.020đ, cụ thể Trần Ngọc H và Đinh Văn D đã cho các người vay như sau:

- Anh Đỗ Văn B, sinh năm 1964 ở khu 4, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 15.000.000đ từ ngày 9/5/2017 đến ngày 4/11/2019, số ngày vay là 179 ngày, anh B đã trả 15.000.000đ tiền gốc và 13.425.000đ tiền lãi.

- + Lãi xuất 1% đến 20% là 1.491.670đ.

- + Lãi xuất trên 20% là 11.933.330đ.

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 11.933.330đ.

- Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 ở Khu 8, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 8.000.000đ từ ngày 16/6/2017 đến ngày 14/8/2017, số ngày vay là 59 ngày, anh T đã trả 8.000.000đ tiền gốc và 2.360.000đ tiền lãi.

- + Lãi xuất 1% đến 20% là 262.220đ

- + Lãi xuất trên 20% là 2.097.780đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 2.097.780đ.

- Anh Trần Văn A, sinh năm 1985 ở Khu 3, xã Minh H, huyện Yên L vay số tiền là 7.000.000đ từ ngày 25/6/2017 đến ngày 11/11/2017, số ngày vay 139, anh A đã trả số tiền gốc 7.000.000đ và số tiền lãi là: 4.865.000đ.

- + Lãi xuất 1% đến 20% là 540.560đ.

- + Lãi xuất trên 20% là 4.324.440đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 4.324.440đ.

- Anh Hà Văn H, sinh năm 1985 ở Khu 5, xã Ngọc Đ, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 3.000.000đ từ ngày 03/7/2017 đến ngày 21/10/2017; vay số tiền là 6.000.000đ từ ngày 23/8/2017 đến ngày 10/11/2017.

Tổng số: tiền vay là 9.000.000đ, số ngày vay là 189 ngày, anh H đã trả số tiền gốc 9.000.000đ và tiền lãi là: 4.020.000đ.

- + Lãi xuất 1% đến 20% là 446.660đ.

- + Lãi xuất trên 20% là 3.573.340đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 3.573.340đ.

- Chị Hà Kim L, sinh năm 1966 ở Khu 4, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là 22.000.000đ từ ngày 05/7/2017 đến ngày 23/8/2017, số ngày vay 49 ngày, chị L đã trả số tiền gốc 22.000.000đ và số tiền lãi là: 5.390.000đ.

- + Lãi xuất 1% đến 20% là 598.890đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 4.791.110đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 4.791.110đ.

- Chị Mùi Thị Th, sinh năm 1997 ở Khu 7, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 4.000.000đ từ ngày 13/7/2017 đến ngày 31/8/2017, số ngày vay 49 ngày. Chị Th đã trả số tiền gốc 4.000.000đ và số tiền lãi là: 980.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 108.890đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 871.110đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 871.110đ.

- Anh Đình Văn Th, sinh năm 1989 ở khu 5, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 7.000.000đ từ ngày 16/7/2017 đến ngày 03/9/2017, số ngày vay 49 ngày. Anh Th đã trả số tiền gốc 7.000.000đ và số tiền lãi là: 1.715.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 190.560đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.524.440đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 1.524.440đ

- Anh Đình Văn Ch, sinh năm 1989 ở Khu 5, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 18/7/2017 đến ngày 06/10/2017; vay số tiền 1.000.000đ từ ngày 02/10/2017 đến ngày 10/2/2018; vay số tiền 3.000.000đ từ ngày 15/10/2017 đến ngày 22/10/2017; vay số tiền 6.000.000đ từ ngày 22/10/2017 đến ngày 10/02/2018

Tổng số: tiền vay là 20.000.000đ, số ngày vay là 329 ngày, anh Ch đã trả số tiền gốc là 13.000.000đ và số tiền lãi là 8.090.000đ. Hiện chưa trả 7.000.000đ tiền gốc.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 898.890đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 7.191.110đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 7.191.110đ.

- Chị Ngọc Thị M, sinh năm 1979 ở Khu 4, xã Ngọc Đ, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 8.000.00đ từ ngày 21/7/2017 đến ngày 13/9/2017; vay số tiền là 18.000.000đ từ ngày 13/9/2017 đến ngày 11/11/2017

Tổng số: tiền vay là 26.000.000đ, số ngày vay là 113 ngày, chị M đã trả số tiền gốc là 26.000.000đ và số tiền lãi 7.470.000đ

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 830.000đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 6.640.000đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 6.640.000đ

- Anh Lê Mạnh H, sinh năm 1979 ở Khu 9, xã Hương L, huyện Cẩm K, tỉnh Phú T vay số tiền là: 10.000.000đ từ ngày 23/7/2017 đến ngày 09/11/2017, số ngày vay là 109 ngày. Anh H đã trả số tiền gốc 10.000.000đ và số tiền lãi là: 5.450.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 605.560đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 4.844.440đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 4.844.440đ

- Anh Hoàng Khắc H, sinh năm 1991 ở Khu 4, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 10.000.000đ từ ngày 24/7/2017 đến ngày 24/9/2017; vay số tiền là 12.500.000đ từ ngày 24/9/2017 đến ngày 02/11/2017

Tổng số: tiền vay là 22.500.000đ, số ngày vay là 101 ngày. Anh H đã trả số tiền gốc 22.500.000đ và tiền lãi là 5.537.500đ

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 615.270đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 4.922.230đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 4.922.230đ.

- Anh Hà Mạnh G, sinh năm 1995 ở Khu Minh Tân, xã Đồng Lạc, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 16.000.000đ từ ngày 07/8/2017 đến ngày 26/8/2017; vay số tiền là 10.000.000đ từ ngày 03/10/2017 đến ngày 12/10/2017

Tổng số: tiền vay là 26.000.000đ, số ngày vay là 28 ngày. Anh G đã trả số tiền gốc 26.000.000đ và tiền lãi là 1.970.000đ

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 218.890đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.751.110đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 1.751.110đ

- Chị Lê Thị Kim A, sinh năm 1991 ở Khu 8, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là 10.000.000đ từ ngày 11/8/2017 đến ngày 09/9/2017; vay số tiền là 3.000.000đ ngày 30/10/2017 đến ngày 08/11/2017

Tổng số: tiền vay là 13.000.000đ, số ngày vay là 38 ngày. Chị A đã trả số tiền gốc 13.000.000đ và tiền lãi là 1.585.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 176.110đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.408.890đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 1.408.890đ

- Anh Hoàng Quý L, sinh năm 1979 ở Khu Vòng 2, xã Phúc Khánh, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 12.000.000đ từ ngày 17/8/2017 đến ngày 05/9/2017, số ngày vay là 19 ngày. Anh L đã trả số tiền gốc 12.000.000đ và số tiền lãi 1.140.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 126.670đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.013.330đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 1.013.330đ

- Anh Hà Văn D, sinh năm 1988 ở Khu 4, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 5.000.000đ từ ngày 21/8/2017 đến ngày 29/10/2017, số ngày vay 69 ngày. Anh D đã trả số tiền gốc 5.000.000đ và số tiền lãi là: 1.725.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 191.670đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.533.330đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 1.533.330đ.

- Anh Nguyễn Văn Th, sinh năm 1969 ở Khu 2, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là 2.000.000đ từ ngày 23/8/2017 đến ngày 11/10/2017; vay số tiền 3.000.000đ từ ngày 12/10/2017 đến ngày 11/11/2017; vay số tiền 2.000.000đ từ ngày 23/8/2018 đến ngày 06/12/2018; vay số tiền 3.000.000đ từ ngày 15/5/2019 đến ngày 21/8/2019.

Tổng số: tiền vay là 10.000.000đ, số ngày vay là 282 ngày, anh Th đã trả số tiền gốc 7.000.000 và tiền lãi là 3.460.000đ. Hiện còn chưa trả 3.000.000đ tiền gốc.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 384.440đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 3.075.560đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 3.075.560đ.

- Anh Đặng Thế Th, sinh năm 1985 ở Khu Đồng Trờ, xã Đồng Lạc, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 6.000.000đ ngày 10/9/2017 đến ngày 19/9/2017; vay số tiền 10.000.000đ ngày 19/9/2017 đến ngày 17/11/2017; vay số tiền 5.000.000đ ngày 17/01/2019 đến ngày 30/4/2019; vay số tiền 8.000.000đ ngày 19/5/2019 đến ngày 08/7/2019; vay số tiền 15.000.000đ từ ngày 08/7/2019 đến ngày 21/8/2019

Tổng số: tiền vay là 44.000.000đ, số ngày vay là 265 ngày. anh Th đã trả số tiền gốc 29.000.000đ và tiền lãi là 11.095.000đ. Hiện còn nợ số tiền gốc là 15.000.000đ

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 1.232.780đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 9.862.220đ.

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 9.862.220đ.

- Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1988 ở Khu 3, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là 5.000.000đ từ ngày 21/9/2017 đến ngày 09/11/2017, số ngày vay 49 ngày, anh T đã trả số tiền gốc 5.000.000đ và số tiền lãi là: 1.225.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 136.110đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.088.890đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 1.088.890đ

- Chị Nguyễn Thị Châu L, sinh năm 1974 ở Khu 8, xã Minh H huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 3.000.000đ từ ngày 22/9/2017 đến ngày 01/10/2017, số ngày vay 9 ngày. chị Loan đã trả gốc 3.000.000đ và số tiền lãi là: 135.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 15.000đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 120.000đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 120.000đ

- Anh Hà Văn L, sinh năm 1989 ở Khu 4, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 6.000.000đ ngày 23/9/2017 đến ngày 22/10/2017, số ngày vay 29 ngày, anh L đã trả số tiền gốc 6.000.000đ và số tiền lãi là: 870.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 96.670đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 773.330đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 773.330đ.

- Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1992 ở Khu 8, xã Ngọc Đ, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 2.000.000đ từ ngày 23/9/2017 đến ngày 02/10/2017, số ngày vay 9 ngày, anh Thìn đã trả số tiền gốc 2.000.000đ và số tiền lãi 90.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 10.000đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 80.000đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 80.000đ.

- Anh Đỗ Quốc V, sinh năm 1974 ở Khu Đồng M, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 30/9/2017 đến ngày 18/10/2017; vay số tiền 15.000.000đ từ ngày 18/10/2017 đến ngày 03/11/2017

Tổng số: tiền vay là 25.000.000đ, số ngày vay là 34 ngày, anh V đã trả số tiền gốc 25.000.000đ và số tiền lãi 2.100.000đ

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 233.330đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.866.670đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 1.866.670đ.

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1995 ở Khu Minh T, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là 15.000.000đ, ngày 02/10/2017 đến ngày 10/11/2017, số ngày vay 39 ngày, anh A đã trả số tiền gốc 15.000.000đ và số tiền lãi là 2.925.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 325.000đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 2.600.000đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 2.600.000đ.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1973 ở Khu Minh T, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 15.000.000đ từ ngày 11/10/2017 đến ngày 09/11/2017, số ngày vay 29, chị T đã trả gốc 15.000.000đ và số tiền lãi 2.175.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 241.670đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.933.330đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 1.933.330đ.

- Anh Cao Văn Th, sinh năm 1967 ở Khu Dân C, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 18.000.000đ ngày 23/10/2017 đến ngày 11/11/2017, số ngày vay 19 ngày, anh Th đã trả số tiền gốc 8.000.000đ và số tiền lãi 760.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 84.440đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 675.560đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 675.560đ

- Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1996 ở Khu Minh T, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là 15.000.000đ từ ngày 24/10/2017 đến ngày 30/11/2017, số ngày vay 37 ngày, anh B đã trả gốc 15.000.000đ và số tiền lãi là: 2.775.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 308.330đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 2.466.670đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 2.466.670đ

- Anh Phùng Đình H, sinh năm 1982 ở Khu 3, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 3.000.000đ từ ngày 26/10/2017 đến ngày 04/11/2017, số ngày vay 9 ngày, anh H đã trả số tiền gốc 3.000.000đ và số tiền lãi là: 135.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 15.000đ.



+ Lãi xuất trên 20% là 120.000đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 120.000đ.

- Anh Hoàng Khắc Đ, sinh năm 1977 ở Khu 7, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 1.000.000đ từ ngày 29/10/2017 đến ngày 07/11/2017, số ngày vay 9 ngày, anh Đ đã trả gốc 1.000.000đ và số tiền lãi 45.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 5.000đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 40.000đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 40.000đ.

- Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1964 ở Khu 9, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 12.000.000đ từ ngày 21/01/2018 đến ngày 21/8/2019, số ngày vay 577 ngày, chị T đã trả số tiền lãi là: 34.620.000đ. Hiện tại chưa trả số tiền gốc là: 12.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 3.846.670đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 30.773.330đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 30.773.330đ.

- Anh Lê Văn T, sinh năm 1985 ở Khu Đồng T, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 4.000.000đ từ ngày 28/4/2018 đến ngày 01/5/2018, số ngày vay 04 ngày, anh T đã trả số tiền gốc 4.000.000đ và lãi là: 80.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 8.890đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 71.110đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 71.110đ.

- Anh Đinh Văn B, sinh năm 1987 ở Khu 7, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 12.000.000đ từ ngày 11/5/2018 đến ngày 12/9/2018; vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 30/8/2018 đến ngày 30/9/2018; vay số tiền 7.000.000đ từ ngày 19/5/2019 đến ngày 27/8/2018; vay số tiền 12.000.000đ từ ngày 27/8/2019 đến ngày 06/9/2019.

Tổng số: tiền vay là 41.000.000đ, số ngày vay là 265 ngày, anh B đã trả số tiền gốc 29.000.000đ và số tiền lãi là 13.090.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 12.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 1.454.450đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 11.635.550đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 11.635.550đ.

- Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1969 ở Khu 8, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 4.000.000đ từ ngày 11/7/2018 đến ngày 07/12/2018; vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 16/5/2019 đến ngày 21/8/2018.

Tổng số: tiền vay là 9.000.000đ, số ngày vay 246 ngày, chị T đã trả số tiền gốc 4.000.000 và số tiền lãi 5.405.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là 5.000.000đ

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 600.550đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 4.804.450đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 4.804.450đ.

- Anh Đinh Văn C, sinh năm 1987 ở Khu 7, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 4.000.000đ từ ngày 07/8/2018 đến ngày 24/11/2018, số ngày vay 109 ngày. anh C đã trả gốc 4.000.000đ và lãi là: 2.180.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 242.220đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 1.937.780đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 1.937.780đ.

- Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1985 ở Khu 7, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 12.000.000đ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 07/12/2018; vay số tiền 12.000.000đ từ ngày 16/5/2019 đến ngày 21/5/2019; vay số tiền 26.000.000đ từ ngày 21/5/2019 đến ngày 21/8/2019.

Tổng số tiền vay là 50.000.000đ, số ngày vay 219 ngày, anh N đã trả số tiền gốc 24.000.000đ và số tiền lãi 19.580.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 26.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 2.175.560đ.

+ Lãi xuất trên 20% 17.404.440đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 17.404.440đ.

- Anh Đỗ Văn Đ, sinh năm 1977 ở Khu 6, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 21/8/2019, số ngày vay 378 ngày, anh Đ đã trả số tiền lãi là: 18.900.000đ. Hiện tại chưa trả số tiền gốc là: 10.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 2.100.000đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 16.800.000đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 16.800.000đ.

- Anh Phùng Văn T, sinh năm 1969 ở khu 2, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 12.000.000đ từ ngày 08/8/2018 đến ngày 08/12/2018; vay

số tiền 8.000.000đ từ ngày 16/7/2019 đến ngày 25/8/2019; vay số tiền 11.000.000đ từ ngày 25/8/2019 đến ngày 04/9/2019 .

Tổng số: tiền vay là 31.000.000đ, số ngày vay 171 ngày, anh T đã trả số tiền gốc 20.000.000đ và tiền lãi là 9.430.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc 11.000.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 1.047.770đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 8.382.230đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 8.382.230đ.

- Chị Đinh Thị D, sinh năm 1984 ở Khu 7, xã Ngọc Đ, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 10.000.000 từ ngày 07/9/2018 đến ngày 31/12/2018; vay số tiền 5.000.000 đ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 24/8/2019; vay số tiền 8.000.000đ từ ngày 24/8/2019 đến ngày 04/9/2019.

Tổng số: tiền vay là 23.000.000đ, số ngày vay 135 ngày, chị D đã trả số tiền gốc 15.000.000đ và số tiền lãi 6.400.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 8.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 711.110đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 5.688.890đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 5.688.890đ.

- Chị Lý Thị S, sinh năm 1975 ở Khu Minh T, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 13/9/2018 đến ngày 11/12/2018; vay số tiền 2.000.000đ từ ngày 19/5/2019 đến ngày 08/7/2019; vay số tiền 3.000.000đ từ ngày 08/7/2019 đến ngày 21/8/2019.

Tổng số: tiền vay là 10.000.000đ, số ngày vay 183 ngày, chị S đã trả số tiền gốc 7.000.000đ và số tiền lãi 3.385.000. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 3.000.000đ

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 376.110đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 3.008.890đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 3.008.890đ.

- Chị Đinh Thị Q, sinh năm 1969 ở Khu Đồng T, xã Đồng T, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 06/12/2018 đến ngày 14/5/2019; vay số tiền 7.000.000đ từ ngày 14/5/2019 đến ngày 13/7/2019; vay số tiền 11.000.000đ từ ngày 13/7/2019 đến ngày 21/8/2019.

Tổng số: tiền vay 23.000.000đ, số ngày vay 259 ngày. Chị Q đã trả số tiền gốc 12.000.000đ và tiền lãi 8.245.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 11.000.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 916.100đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 7.328.900đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 7.328.900đ.

- Anh Nguyễn Ngọc Đ, sinh năm 1994 ở Khu Đồng Kh, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 4.000.000đ từ ngày 17/01/2019 đến ngày 16/5/2019; vay số tiền 8.000.000đ từ ngày 16/5/2019 đến ngày 14/8/2019; vay số tiền 9.000.000đ từ ngày 14/8/2019 đến ngày 21/8/2019.

Tổng số: tiền vay là 21.000.000đ, số ngày vay 216 ngày. Anh Đ đã trả số tiền gốc 12.000.000đ và tiền lãi 6.295.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 9.000.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 699.440đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 5.595.560đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 5.595.560đ.

- Anh Hà Văn Kh, sinh năm 1983 ở Khu 3, xã Ngọc Đ, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 20/4/2019 đến ngày 31/5 /2019; vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 28/6/2019 đến ngày 21/8/2019.

Tổng số: tiền vay là 10.000.000đ, số ngày vay 95 ngày, anh Kh đã trả gốc 5.000.000đ và số tiền lãi 2.375.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc 5.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 263.890đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 2.111.110đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 2.111.110đ

- Anh Đỗ Văn L, sinh năm 1992 ở Khu Đông M, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 2.000.000đ từ ngày 05/7/2019 đến ngày 11/7 /2019; vay số tiền 4.000.000đ từ ngày 11/7/2019 đến ngày 21/8/2019.

Tổng số: tiền vay là 6.000.000đ, số ngày vay 47 ngày, anh L đã trả gốc 2.000.000đ và tiền lãi là 880.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 4.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 97.780đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 782.220đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 782.220đ

- Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1983 ở Khu Dân Ch, xã Đồng L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 10.000.000đ từ ngày 10/7/2019 đến ngày 29/8/2019, số ngày vay 50 ngày, chị Q đã trả số tiền lãi là: 2.500.000 đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 10.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 277.780đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 2.222.220đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 2.222.220đ.

- Anh Đinh Công Ch, sinh năm 1992 ở Khu 4, xã Ngọc L, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền 5.000.000đ từ ngày 27/7/2019 đến ngày 17/8/2019. vay số tiền 8.000.000đ ngày 17/8/2019 đến ngày 27/8/2019.

Tổng số: tiền vay 13.000.000đ, số ngày vay 31 ngày. Anh Ch đã trả gốc 5.000.000đ và tiền lãi 925.000đ. Hiện chưa trả số tiền gốc là: 8.000.000 đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 102.770đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 822.230đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của các lần vay này là 822.230đ.

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1987 ở Khu 4, xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T vay số tiền là: 2.000.000đ từ ngày 08/8/2019 đến ngày 18/8/2019, số ngày vay 10 ngày, anh A đã trả số tiền gốc 2.000.000đ và lãi là: 100.000đ.

+ Lãi xuất 1% đến 20% là 11.110đ.

+ Lãi xuất trên 20% là 88.890đ

Như vậy số tiền lãi thu lời bất chính trên 20% của lần vay này là 88.890đ.

Hành vi của Trần Ngọc H và Đinh Văn D cho 45 người vay, với tổng số tiền cho vay là 637.500.000đ. Các lần vay đều liên tục kế tiếp nhau về mặt thời gian từ tháng 5 năm 2017 đến tháng 8 năm 2019, với lãi xuất 5.000đ/ 1 triệu/ 1 ngày, lãi xuất tương ứng 180%/ năm, cao gấp 9 lần lãi xuất mà pháp luật dân sự cho phép, số tiền thu lời bất chính trên 20%/ năm là 202.580.020đ. Hành vi cho vay của Trần Ngọc H và Đinh Văn D và số tiền thu lời bất chính đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự theo quy định tại điều 201 bộ luật hình sự.

Ngày 11/9/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên L ra Quyết định khởi tố vụ án, Quyết định khởi tố bị can đối với Trần Ngọc H và Đinh Văn D về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 2 điều 201 BLHS. Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Yên L, bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Trong vụ án này, Trần Ngọc H và Đinh Văn D cùng bàn bạc và phân công nhau thực hiện hành vi phạm tội đó là Dụ đứng tên làm chủ sơ sở kinh doanh, Dụ trực tiếp cho vay và thu tiền lãi, tiền gốc, Hà chi số tiền 160.000.000đ làm vốn kinh doanh.

Hành vi phạm tội của Trần Ngọc H và Đinh Văn D thuộc trường hợp ít nghiêm trọng có khung hình phạt cao nhất đến 03 năm tù. Hành vi của bị can đã

xâm phạm đến quy định của Nhà nước về hoạt động tín dụng gây thiệt hại đến lợi ích của người vay tiền và gây mất trật tự trị an tại địa phương.

Về vật chứng được thu giữ trong vụ án: Quá trình lập biên bản vi phạm hành chính tại cơ sở kinh doanh cầm đồ 89, khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Ngọc H và Đinh Văn D; Công an huyện Yên L đã thu giữ các đồ vật, tài liệu sau:

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: MiModel: MDG1 có chữ made in china, lắp sim số 0888329316 và 0976115673 thu của Đinh Văn D

- 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone model: A1524, Imel: 354437069972321. Lắp sim: 0988191346 thu của Trần Ngọc H

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA BLADE BKS: 19H1 - 18095 thu của Nguyễn Tiến Nam

- 01 Quyền sở bìa màu xanh giấy A4 đánh số thứ tự từ 01 đến 55 bên trong có chữ và con số có chữ ký của Đinh Văn D.

- 01 Quyền sở bìa ni lon màu trắng đánh số thứ tự từ 01 đến 57 bên trong có chữ và con số có chữ ký của Đinh Văn D.

- 01 Quyền sở bìa màu đen đánh số thứ tự từ 01 đến 09 bên trong có chữ và con số có chữ ký của Đinh Văn D.

- 07 Tờ giấy A4 đánh số thứ tự từ 01 đến 07 bên trong có chữ và con số có chữ ký của Đinh Văn D.

- 01 Kẹp ni lon màu trắng, mặt sau màu xanh đánh số thứ tự từ 01 đến 07 bên trong có chữ và con số có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Nguyễn Văn An đánh số thứ tự từ 01 đến 02 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Hoàng Thị Quế đánh số thứ tự từ 01 đến 04 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 011984 mang tên: Phạm Văn Hồng ở Dân Chủ - Đồng Lạc - Yên L - Phú T.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Lê Văn Tuấn đánh số thứ tự từ 01 đến 04 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Nguyễn Văn N đánh số thứ tự từ 01 đến 06 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 009379 mang tên: Doãn Công K ở Tân H - Hương C - Thanh S - Phú T và bản sao phôi giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô BKS: 19H1 180.95

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Nguyễn Văn Tàn đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Hà Văn Kh đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy

chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005738 và Giấy chứng minh nhân dân số 131460674: mang tên Hà Văn Kh ở Khu 3 - Ngọc Đ - Yên L

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Đinh Thị D đánh số thứ tự từ 01 đến 03 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002755, và Giấy chứng minh nhân dân số: 131597346 mang tên Đinh Thị D ở Khu 7 - Ngọc Đ - Yên L

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Đinh Thị Q đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004117 và Giấy chứng minh nhân dân số 131460674: mang tên Đinh Thị Q ở Đồng Th - Yên L

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Đặng Thế Th đánh số thứ tự từ 01 đến 04 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 009470 mang tên Đặng Thế Th ở Khu Đồng Tr - Đồng L - Yên L.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Nguyễn Ngọc Đ đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000867 và Giấy chứng minh nhân dân số: 132103524 mang tên Nguyễn Ngọc Đ ở xã Đồng L - Yên L.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Trần Thị Thu H đánh số thứ tự từ 01 đến 03 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H.

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003060 mang tên Lê Văn L ở Khu 11 - Tề L - Tâm N - Phú T.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Trần Văn Ch đánh số thứ tự từ 01 đến 03 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Trần Ngọc H.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Nguyễn Thị T đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000093 mang tên Nguyễn Thị T ở Khu 9 - Minh H - Yên L và 01 giấy A4 photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T ở Đồng L - Yên L - Phú T.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Đinh Văn B đánh số thứ tự từ 01 đến 04 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H kèm theo 01 bản photo giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 013624 mang tên Đinh Văn B ở Khu 7 - Minh H - Yên L.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Nguyễn Văn Th đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 0096683 mang tên Lê Văn Tâm ở xã Minh H - Yên L và 01 giấy A4 photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Văn Th ở Xã Minh H - Yên L.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Phùng Văn T đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Trần Ngọc H, kèm theo giấy chứng

nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004253 mang tên Phùng Văn T và 01 giấy A4 photo Giấy chứng minh nhân dân mang tên Phùng Văn T ở xã Minh H - Yên L.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Đỗ Văn Đ đánh số thứ tự từ 01 đến 04 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, kèm theo giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 012343 mang tên Lê Thị H ở Khu 6 - Minh H - Yên L

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Lý Thị S đánh số thứ tự từ 01 đến 04 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, kèm theo giấy phép lái xe số: 036355 mang tên Lý Thị S ở Xã Đồng L - Yên L.

- 01 giấy biên nhận vay tiền của Hoàng Thị T bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, Trần Ngọc H, 01 Giấy chứng minh nhân dân số 132180960 mang tên Hoàng Thị T ở xã Minh H - Yên L.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Đinh Công Ch đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 010978 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số: 132184758 mang tên Đinh Công Ch ở Xã Ngọc L - Yên L.

- 01 Bộ giấy tờ mua, bán xe mô tô của Đỗ Văn L đánh số thứ tự từ 01 đến 05 bên trong có chữ, con số và có chữ ký của Đinh Văn D, kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 009290 và 01 Giấy chứng minh nhân dân số: 132217475 mang tên Đỗ Văn Lưu ở xã Đồng L - Yên L.

Quá trình điều tra, Trần Ngọc H và Đinh Văn D, mỗi bị cáo tự nguyện nộp số tiền 25.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Các vật chứng và số tiền các bị cáo nộp để khắc phục hậu quả đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự theo quy định.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 38/2019/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên L, tỉnh Phú T đã quyết định:

Áp dụng: khoản 2 Điều 201, điểm i, điểm s khoản 1 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Trần Ngọc H.

Áp dụng: khoản 2 Điều 201, điểm i, điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đinh Văn D.

1- Tuyên bố các bị cáo: Trần Ngọc H và Đinh Văn D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

Xử phạt bị cáo: Trần Ngọc H 12 (Mười hai) tháng tù; Được khấu trừ 01 tháng 29 ngày tạm giam (Từ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2019); Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

Xử phạt bị cáo: Đinh Văn D 12 (Mười hai) tháng tù; Được khấu trừ 01 tháng 29 ngày tạm giam (Từ ngày 12 tháng 9 năm 2019 đến hết ngày 10 tháng 11 năm 2019); Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.



Các bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D phải tiếp tục chấp hành biện pháp bảo lãnh kể từ ngày 30 tháng 11 năm 2019 là ngày tuyên án, cho đến thời điểm bị cáo đi thi hành án hình phạt tù.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D phải trả số tiền lãi mà các bị cáo đã thu lời bất chính từ những người vay tiền của các bị cáo từ 21% trở lên, cụ thể phải trả cho những người sau:

1. Anh Đỗ Văn B 11.933.000đ.
2. Anh Nguyễn Văn T 2.098.000đ.
3. Anh Trần Văn Ân 4.324.000đ.
4. Anh Hà Văn H 3.573.000đ.
5. Chị Hà Kim L 4.791.000đ.
6. Chị Mùi Thị Th 871.000đ.
7. Anh Đinh Văn Th 1.524.000đ
8. Anh Đinh Văn Ch 7.191.000đ.
9. Chị Ngọc Thị M 6.640.000đ
10. Anh Lê Mạnh H 4.845.000đ
11. Anh Hoàng Khắc H 4.922.000đ.
12. Anh Hà Mạnh G 1.751.000đ
13. Chị Lê Thị Kim A 1.409.000đ
14. Anh Hoàng Quý L 1.013.000đ
15. Anh Hà Văn D 1.533.000đ.
16. Anh Nguyễn Văn Th 3.076.000đ.
17. Anh Đặng Thế Th 9.862.000đ.
18. Anh Hoàng Văn T 1.089.000đ
19. Chị Nguyễn Thị Châu L 120.000đ
20. Anh Hà Văn L 773.000đ.
21. Anh Đinh Văn Th 80.000đ.
22. Anh Đỗ Quốc V 1.867.000đ.
23. Anh Nguyễn Văn A 2.600.000đ.
24. Chị Nguyễn Thị T 1.933.000đ.
25. Anh Cao Văn T 676.000đ
26. Anh Nguyễn Văn B 2.467.000đ
27. Anh Phùng Đình H 120.000đ.
28. Anh Hoàng Khắc Đ 40.000đ.

29. Chị Nguyễn Thị T 30.773.000đ.
30. Lê Văn T 71.000đ.
31. Anh Đinh Văn B 11.636.000đ.
32. Chị Hoàng Thị T 480.000đ.
33. Anh Đinh Văn C 1.938.000đ .
34. Anh Nguyễn Tiến N 17.404.000đ.
35. Anh Đỗ Văn Đ 16.800.000đ.
36. Anh Phùng Văn T 8.383.000đ.
37. Chị Đinh Thị D 5.689.000đ.
38. Chị Lý Thị S 3.009.000đ.
39. Chị Đinh Thị Q 7.330.000đ.
40. Anh Nguyễn Ngọc Đ 5.596.000đ.
41. Anh Hà Văn K 2.111.000đ
42. Anh Đỗ Văn L 782.000đ
43. Chị Hoàng Thị Q 2.222.000đ.
44. Anh Đinh Công Ch 822.000đ.
45. Anh Nguyễn Văn A 89.000đ

Tổng là: 202.580.000đ, kỷ phần của Trần Ngọc H là 101.290.000đ (Một trăm linh một triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng) của Đinh Văn D là 101.290.000đ (Một trăm linh một triệu, hai trăm chín mươi nghìn đồng)

3. Về vật chứng: Căn cứ điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) của bị cáo Trần Ngọc H.

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) của bị cáo Đinh Văn D.

+ Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) đối với bị cáo Trần Ngọc H.

+ Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 25.322.000đ. (Hai mươi lăm triệu ba trăm hai mươi hai nghìn đồng) đối với bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D , Kỷ phần của bị cáo H là 12.661.000đ (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng), kỷ phần của bị cáo D là 12.661.000đ (Mười hai triệu sáu trăm sáu mươi một nghìn đồng).

+ Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 159.000.000đ (Một trăm năm mươi chín triệu đồng) đối với những người sau:

- 1- Anh Nguyễn Văn Th 3.000.000đ;

- 2- Anh Đặng Thế Th 15.000.000đ;
- 3- Chị Nguyễn Thị T 12.000.000đ;
- 4- Anh Đình Văn B 12.000.000đ;
- 5- Chị Hoàng Thị T 5.000.000đ;
- 6- Anh Nguyễn T N 26.000.000đ;
- 7- Anh Đỗ Văn Đ 10.000.000đ;
- 8- Anh Phùng Văn T 11.000.000đ;
- 9- Chị Đình Thị D 8.000.000đ;
- 10- Chị Lý Thị S 3.000.000đ;
- 11- Anh Đình Thị Q 11.000.000đ;
- 12- Anh Nguyễn Ngọc Đ 9.000.000đ;
- 13- Anh Hà Văn Kh 5.000.000đ;
- 14- Anh Đỗ Văn L 4.000.000đ;
- 15- Chị Hoàng Thị Q 10.000.000đ;
- 16- Anh Đình Công Ch 8.000.000đ;
- 17- Anh Đình Văn Ch 7.000.000đ

+ Trả lại cho Đình Văn D 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: MiModel: MDG1 có chữ made in china, lắp sim số 0888329316 và 0976115673.

+ Trả lại cho Trần Ngọc H 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone model: A1524, Imel: 354437069972321. Lắp sim: 0988191346.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003060 mang tên Lê Văn L.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tiến N 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu: HONDA BLADE BKS: 19H1 - 18095.

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị Q 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 011984 mang tên: Phạm Văn H

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn N 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 009379 mang tên: Doãn Công K

+ Trả lại cho anh Hà Văn Kh 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005738 và Giấy chứng minh nhân dân số 131460674:

+ Trả lại cho anh Đình Thị D 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002755 và Giấy chứng minh nhân dân số: 131597346

+ Trả lại cho chị Đình Thị Q 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004117 và Giấy chứng minh nhân dân số 131460674

+ Trả lại cho anh Đặng Thế Th 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 009470

+ Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Đ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000867 và Giấy chứng minh nhân dân số: 132103524

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000093.

+ Trả lại cho anh Đinh Văn B 01 Chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 013624

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn Th 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 0096683 mang tên Lê Văn T,

Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên L, tỉnh Phú T ngày 22 tháng 11 năm 2019.

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; khoản 3 điều 21 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của uỷ ban thường vụ Quốc hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc các bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và mỗi bị cáo phải chịu 5.065.000đ tiền án phí dân sự trong án hình sự; Tổng số tiền án phí mỗi bị cáo phải chịu là 5.265.000đ (Năm triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 03/12/2019, bị cáo Trần Ngọc H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng hình phạt tiền là hình phạt chính. Ngày 17/12/2019 bị cáo có đơn đề nghị xin được hưởng án treo.

Ngày 10/12/2019, bị cáo Đinh Văn D kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt chính và hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Ngọc H xin xác nhận lại nội dung kháng cáo theo như đơn đề nghị ngày 17/12/2019 xin được hưởng án treo.

- Bị cáo Đinh Văn D xin rút một phần yêu cầu kháng cáo về việc giảm nhẹ hình phạt bổ sung chỉ yêu cầu xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T đề nghị:

- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H và bị cáo Đinh Văn D. Sửa Bản án số 38/2019/HS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên L, tỉnh Phú T theo hướng:

- Về hành vi phạm tội: Xác định số tiền hưởng lợi để truy cứu trách nhiệm hình sự do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là 128.697.800đ.

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

- Về xử lý vật chứng: Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

\* Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo D: Nhất trí như quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T về tội danh.

Về số tiền lãi thu lợi bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo D là số tiền lãi gấp 5 lần lãi suất cao nhất quy định của Bộ luật Dân sự. Do đó, không nhất trí như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T về việc tính số tiền lãi thu lợi bất chính từ 21% trở lên trái với quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Về điều luật và hình phạt: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự. Xử bị cáo hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình không oan sai. Lời khai của các bị cáo phù hợp với vật chứng thu được cũng như lời khai của các bị hại, lời khai của người làm chứng và các chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ căn cứ cho rằng:

Trong vụ án này, hành vi phạm tội của bị cáo H và bị cáo D được chia làm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn thứ nhất: Hành vi phạm tội xảy ra trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018: Thời điểm này, bị cáo H và D cho tổng số 28 người vay, với:

+ Tổng số tiền gốc cho vay là 325.500.000đ (trong đó có anh Đinh Văn Ch chưa trả tiền gốc 7.000.000đ đối với 02 khoản vay: Từ ngày 02/10/2017 đến 10/2/2018 là 1.000.000đ; Từ ngày 22/10/2017 đến 10/2/2018 là 6.000.000đ).

+ Tổng số tiền thu lãi là 83.117.500đ (trong đó: Số tiền thu lãi từ 20% trở xuống là 9.235.280đ; Số tiền thu lãi trên 20% là 73.882.220đ)

- Giai đoạn thứ 2: Hành vi phạm tội xảy ra sau 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 đến khi bị bắt: Bị cáo H và D cho tổng số 19 người vay, với tổng số

tiền gốc cho vay là 312.000.000đ (anh Nguyễn Văn Thvà anh Đặng Thế Th có cả các khoản vay từ thời điểm trước ngày 01/01/2018).

+ Số tiền gốc những người vay chưa trả 152.000.000đ.

+ Tổng số tiền thu lãi là 144.785.000đ (Trong đó: Số tiền thu lãi từ 20% trở xuống: 16.087.200đ; Số tiền thu lãi trên 20%: 128.697.800đ).

Căn cứ nội dung nêu trên đối chiếu với các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

Bản án hình sự sơ thẩm xác định số tiền thu lời bất chính để truy cứu trách nhiệm hình sự và xét xử các bị cáo là 202.580.020đ là không đúng như đã phân tích ở trên. Cấp phúc thẩm sau khi tính lại, xác định số tiền thu lời bất chính của các bị cáo D và bị cáo H là 128.697.800đ giảm đi so với số tiền đã bị truy tố và xét xử ở cấp sơ thẩm là 73.882.220đ.

Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội ở hai giai đoạn như phân tích ở trên. Do đó, căn cứ vào điểm c khoản 2 Nghị quyết số 41/2017 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và hướng dẫn tại điểm c mục 1 Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi của các bị cáo thực hiện trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 không cấu thành tội “Cho vay lãi nặng” theo Điều 163 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009. Như vậy, hành vi của các bị cáo thực hiện từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Với mức lãi suất cho vay và số tiền thu lợi bất chính thì các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về việc xác định người tham gia tố tụng và áp dụng pháp luật:

Qua nghiên cứu Bản án số 38/2019/HS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên L, Hội đồng xét xử thấy còn một số thiếu sót đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần phải rút kinh nghiệm, cụ thể:

- Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định những người vay tiền của các bị cáo tham gia tố tụng với tư cách là bị hại là không đúng. Theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự và Hướng dẫn tại Công văn số 212/TANDTC-PC của Tòa án nhân dân tối cao ngày 13/8/2019 thì những người vay tiền của các bị cáo phải được xác định họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

- Về áp dụng điều luật: Bản án sơ thẩm áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng lại đồng thời áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là chưa đúng với hướng dẫn tại Mục 4, phần I, Công văn số 01 ngày 07/4/2017 của Tòa án nhân dân tối cao. Bởi vậy, cả hai bị cáo đều không được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ và xin được hưởng án treo của các bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các bị cáo đã cung cấp được thêm các tài liệu chứng cứ mới để bổ sung cho việc xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đó là sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo đã nộp tiền khắc phục hậu quả bị cáo H nộp số tiền 20.000.000đ; bị cáo D nộp số tiền 20.000.000đ. Như vậy tổng số tiền bị cáo H đã nộp khắc phục hậu quả là 45.000.000đ; bị cáo D là 45.000.000đ. UBND thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú T có công văn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H. Ngoài ra, bị cáo H còn cung cấp tài liệu chứng minh bố đẻ bị cáo tham gia quân đội làm nhiệm vụ quốc tế được tặng thưởng danh hiệu chiến sỹ vẻ vang hạng 3. Hội đồng xét xử xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới được quy định tại điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Mặt khác, Số tiền xác định để truy cứu trách nhiệm hình sự của cả hai bị cáo giảm còn 128.697.800đ đây cũng là căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm theo hướng chuyển hình phạt của các bị cáo từ hình phạt tù giam sang hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Do số tiền để xác định trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo có thay đổi nên cần phải sửa xử lý vật chứng của Bản án hình sự sơ thẩm.

Đối với số tiền gốc 7.000.000đ anh Đinh Văn Ch vay của bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D trước 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018 chưa trả. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo H, D không có đề nghị gì nên cần tách ra giải quyết B một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Đối với phần trách nhiệm dân sự như phân tích nêu trên cần giữ nguyên như Bản án hình sự sơ thẩm là phù hợp.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú T đề nghị chấp nhận đơn kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm. Xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo D có quan điểm đề nghị không phù hợp với quy định của pháp luật nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

[1] Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 38/2019/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên L, tỉnh Phú T .

[2] Căn cứ khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố các bị cáo: Trần Ngọc H và Đinh Văn D phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

- Xử phạt bị cáo: Trần Ngọc H 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Ngọc H cho Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh S, huyện Thanh S, tỉnh Phú T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt bị cáo: Đinh Văn D 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (Hai mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Đinh Văn D cho Ủy ban nhân dân xã Minh H, huyện Yên L, tỉnh Phú T giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Về vật chứng: Căn cứ điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) của bị cáo Trần Ngọc H. Trong đó số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) bị cáo đã nộp tại giai đoạn điều tra tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 11/9/2019 có lưu trong hồ sơ vụ án; số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bị cáo đã nộp tại Biên lai thu tiền số 00918 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên L, tỉnh Phú T.

+ Tạm giữ để đảm bảo thi hành án số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) của bị cáo Đinh Văn D. Trong đó số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) bị cáo đã nộp tại giai đoạn điều tra tại biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu ngày 11/9/2019 có lưu trong hồ sơ vụ án; số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) bị cáo



đã nộp tại Biên lai thu tiền số 00952 ngày 25/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên L, tỉnh Phú T.

+ Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng) đối với bị cáo Trần Ngọc H.

+ Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 16.087.200đ. (Mười sáu triệu không trăm tám mươi bảy nghìn hai trăm đồng) đối với bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D (là tiền thu lời bất chính từ 01 đến 20% của số tiền lãi từ 0 giờ 00 phút ngày 01/01/2018). Kỳ phần của bị cáo H là 8.043.600đ (Tám triệu không trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng), kỳ phần của bị cáo D là 8.043.600đ (Tám triệu không trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

+ Thu hồi để tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 152.000.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu đồng) đối với những người sau:

- 1- Anh Nguyễn Văn Th 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
- 2- Anh Đặng Thế Th 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng).
- 3- Chị Nguyễn Thị T 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).
- 4- Anh Đinh Văn B 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng).
- 5- Chị Hoàng Thị T 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- 6- Anh Nguyễn Tiến N 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng).
- 7- Anh Đỗ Văn Đ 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
- 8- Anh Phùng Văn T 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).
- 9- Chị Đinh Thị D 8.000.000đ (Tám triệu đồng).
- 10- Chị Lý Thị S 3.000.000đ (Ba triệu đồng).
- 11- Anh Đinh Thị Q 11.000.000đ (Mười một triệu đồng).
- 12- Anh Nguyễn Ngọc Đ 9.000.000đ (Chín triệu đồng).
- 13- Anh Hà Văn K 5.000.000đ (Năm triệu đồng).
- 14- Anh Đỗ Văn L 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).
- 15- Chị Hoàng Thị Q 10.000.000đ (Mười triệu đồng).
- 16- Anh Đinh Công C 8.000.000đ (Tám triệu đồng).

+ Trả lại cho Đinh Văn D 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: MiModel: MDG1 có chữ made in china, lắp sim số 0888329316 và 0976115673.

+ Trả lại cho Trần Ngọc H 01 (Một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu: Iphone model: A1524, Imel: 354437069972321. Lắp sim: 0988191346.

+ Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc H 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 003060 mang tên Lê Văn L.

+ Trả lại cho anh Nguyễn Tiến N 01 Chiếc xe mô tô nhãn hiệu: HONDA BLADE BKS: 19H1 - 18095.

+ Trả lại cho chị Hoàng Thị Q 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 011984 mang tên: Phạm Văn H

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn N 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 009379 mang tên: Doãn Công K

+ Trả lại cho anh Hà Văn Khiết 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 005738 và Giấy chứng minh nhân dân số 131460674:

+ Trả lại cho anh Đinh Thị D 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 002755 và Giấy chứng minh nhân dân số: 131597346

+ Trả lại cho chị Đinh Thị Q 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 004117 và Giấy chứng minh nhân dân số 131460674

+ Trả lại cho anh Đặng Thế Th 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 009470

+ Trả lại cho anh Nguyễn Ngọc Đ 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000867 và Giấy chứng minh nhân dân số: 132103524

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị T 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 000093.

+ Trả lại cho anh Đinh văn B 01 Chứng thực giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số: 013624

+ Trả lại cho anh Nguyễn Văn Th 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số: 0096683 mang tên Lê Văn T,

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên L, tỉnh Phú T ngày 22 tháng 11 năm 2019).

[3] Về án phí phúc thẩm:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Trần Ngọc H và Đinh Văn D không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh;
- TA; VKSND; CA; Chi cục THADS H. Yên L;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Văn Thành**